

Số: 01/2020/QĐST-VHN  
V/v Yêu cầu “*Hủy kết hôn  
trái pháp luật*”.

An Phú, ngày 10 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Trần Văn Sáu.

*Thư ký phiên họp:* Ông Huỳnh Minh Nhựt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên họp:* Ông Huỳnh Minh Triết - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2020/TLST-VHN ngày 21 tháng 4 năm 2020 về việc “*Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 282/2020/QĐST-VHN ngày 18 tháng 6 năm 2020; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên họp số 847/2020/TB-TA ngày 29/6/2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu:* Bà Kha Thị Ngọc G, sinh ngày 04/5/1999; địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Dương Lưu B, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2. Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội; địa chỉ trụ sở: Ấp Tắc Trúc, xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang

Bà G, ông B có mặt; đại diện Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu vắng mặt.

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

Theo đơn yêu cầu, trình bày của bà Kha Thị Ngọc G, ông Dương Lưu B tại phiên họp và tài liệu, chứng cứ kèm theo, nội dung vụ việc như sau:

Theo Giấy khai sinh số 75, quyển số 01 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội ngày 18/3/2003 thì bà Kha Thị Ngọc G sinh ngày 04 tháng 5 năm 1999. Năm 2015, do

cần có việc làm nên bà G khai báo mất sổ hộ khẩu và các giấy tờ tùy thân. Khi làm lại giấy tờ thì bà G khai báo sinh ngày 04 tháng 5 năm 1995.

Ngày 15/02/2016, bà Kha Thị Ngọc G và ông Dương Lưu B được Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 06. Theo Giấy chứng nhận kết hôn thì bà G sinh ngày 04/5/1995, ông Dương Lưu B sinh ngày 20/6/1991.

Theo bà G, tuổi thật của bà theo Giấy khai sinh số 75, quyển số 01 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội ngày 18/3/2003 thì bà Kha Thị Ngọc G sinh ngày 04/5/1999. Năm 2015, do cần có việc làm nên bà G đã khai gian mất sổ hộ khẩu và các giấy tờ tùy thân rồi đi khai báo làm lại. Khi làm lại chứng minh nhân dân, bà G khai sinh ngày 04/5/1995.

Cuối năm 2019, cơ quan chức năng phát hiện bà G khai báo gian dối năm sinh, đã xử phạt hành chính đối với hành vi chỉnh sửa Sổ Hộ khẩu của bà G. Bà G đã thực hiện làm lại giấy chứng minh nhân dân đúng theo giấy khai sinh (Kha Thị Ngọc G sinh ngày 04/5/1999). Tuy nhiên, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06 ngày 15/02/2016 thì vẫn còn ghi bà Kha Thị Ngọc G sinh ngày 04/5/1995. Do đó bà G xin hủy Chứng nhận kết hôn số 06 do Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội cấp ngày 15/02/2016 để thực hiện lại đăng ký kết hôn có năm sinh phù hợp Giấy khai sinh, Sổ Hộ khẩu gia đình, Chứng minh nhân dân.

Theo ông B, ông B và bà G quen biết từ năm 2015, năm 2016 được gia đình hai bên đồng ý cho tiến đến hôn nhân. Khi đăng ký kết hôn, ông B hoàn toàn không biết tuổi thật của bà G là sinh ngày 04/5/1999 mà chỉ biết tuổi bà G theo Giấy chứng minh khi đó. Đời sống hôn nhân giữa ông B và bà G vẫn hạnh phúc. Ông B cũng đồng ý hủy giấy chứng nhận kết hôn số 06 do Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội cấp ngày 15/02/2016 để bà G điều chỉnh lại toàn bộ giấy tờ tùy thân đúng theo giấy khai sinh đã được cấp. Giữa ông B và bà G sẽ thực hiện lại việc đăng ký kết hôn theo quy định.

Theo Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội thì ngày 15/02/2016, Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội có cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 06 cho bà Kha Thị Ngọc G sinh ngày 04/5/1995 và ông Dương Lưu B sinh ngày 20/6/1991. Việc cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho bà G và ông B là căn cứ vào chứng minh nhân dân và sự tự nguyện của bà G và ông B. Nay bà G có yêu cầu hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 06 thì Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội không có ý kiến.

Về tài liệu, chứng cứ:

Bà Kha Thị Ngọc G giao nộp: Bản sao Sổ Hộ khẩu chủ hộ mang tên Kha Thiên Ái; bản sao Chứng minh nhân dân mang tên Kha Thị Ngọc G, sinh ngày 04/5/1999; Bản sao Giấy khai sinh mang tên Kha Thị Ngọc G, sinh ngày 04/5/1999; Trích lục kết hôn số 06 ngày 15/02/2016 mang tên Kha Thị Ngọc G, sinh ngày 04/5/1995 và Dương Lưu B, sinh ngày 20/6/1991.

Ông Dương Lưu B giao nộp: Bản sao Sổ Hộ khẩu chủ hộ mang tên Dương Văn P; bản sao Chứng minh nhân dân mang tên Dương Lưu B, sinh ngày 20/6/1991.

Tòa án tiến hành xác minh việc đăng ký kết hôn của bà G và ông B tại Ủy ban

nhân dân xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định loại việc, tiến hành thu thập chứng cứ, tiến hành mở phiên họp đúng quy định của pháp luật; thành phần tiến hành phiên họp không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Theo trình bày của bà G và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định vào thời điểm bà Kha Thị Ngọc G được Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 06 thì bà G chưa đủ 18 tuổi; thứ hai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06 cấp cho bà Kha Thị Ngọc G và ông Dương Lưu B ghi bà G sinh ngày 04/5/1995 là không đúng theo Giấy khai sinh của bà G. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Kha Thị Ngọc G.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quyền yêu cầu: Theo các tài liệu, chứng cứ và trình bày của bà Kha Thị Ngọc G, có căn cứ xác định Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 15/02/2006 có liên quan trực tiếp quyền, lợi ích hợp pháp của bà G, nên bà G có quyền yêu cầu.

[1.2] Về việc vắng mặt: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định mở phiên họp, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên họp. Đại diện của Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội có đơn yêu cầu vắng mặt. Xét việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội không ảnh hưởng đến việc xem xét yêu cầu của bà G, nên tiến hành mở phiên họp là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Kha Thị Ngọc G có đơn yêu cầu hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 06 do Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội, huyện An Phú cấp ngày 15/02/2016. Bà G có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Tắc Trúc, xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang; Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho bà G là Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang thụ lý, giải quyết yêu cầu của bà G là phù hợp quy định tại các điều 29, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Năm 2016, bà G kết hôn với ông B, Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội căn cứ vào giấy chứng minh bà Kha Thị Ngọc G sinh ngày 04/5/1995 và ông Dương Lưu B sinh ngày 20/6/1991 để cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 06 là hoàn toàn có căn cứ. Tuy nhiên, theo Giấy khai sinh số 75, quyển số 01 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội ngày 18/3/2003 thì bà Kha Thị Ngọc G sinh ngày 04/5/1999.

Như vậy, Giấy chứng minh của bà G sử dụng có năm sinh 1995 không phù hợp

với năm sinh theo giấy khai sinh (04/5/1999). Từ đó cho thấy tuổi của bà G theo chứng minh nhân dân sử dụng khi đăng ký kết hôn là không đúng. Bản thân bà G cũng thừa nhận, do cần có việc làm nên bà G đã tự chỉnh sửa Sổ Hộ khẩu, ghi sinh ngày 04/5/1995. Sau khi cơ quan chức năng phát hiện đã xử phạt và bà đã làm lại Sổ Hộ khẩu và các giấy tờ tùy thân mang tên Kha Thị Ngọc G sinh ngày 04/5/1999 đúng theo Giấy khai sinh (Giấy CMND số 352454027 do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 04/11/2019 ghi Kha Thị Ngọc G sinh ngày 04/5/1999).

[2.2] Từ đó có căn cứ xác định, tuổi thật của bà G không phải sinh ngày 04/5/1995 mà là sinh ngày 04/5/1999. Theo tuổi thật, vào thời điểm bà G kết hôn với ông B ngày 15/02/2016 thì bà G chưa đủ 17 tuổi. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định độ tuổi được đăng ký kết hôn đối với nữ “từ đủ 18 tuổi trở lên”. Do đó bà G kết hôn khi chưa đủ 18 tuổi là trái quy định của pháp luật. Đồng thời, theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 14 Luật hộ tịch năm 2014, thì nội dung đăng ký khai sinh, gồm: Họ, chữ đệm và tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; nơi sinh; quê quán; dân tộc; quốc tịch là thông tin hộ tịch cơ bản của cá nhân, được ghi vào Sổ hộ tịch, Giấy khai sinh, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Hồ sơ, giấy tờ của cá nhân liên quan đến thông tin khai sinh phải phù hợp với nội dung đăng ký khai sinh của người đó.

Từ những căn cứ nêu trên, có cơ sở xác định việc bà G kết hôn với ông B vào ngày 15/02/2016 là trái pháp luật; tuổi bà G được ghi trong Giấy chứng nhận kết hôn số 06 do Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội cấp ngày 15/02/2016 là không đúng theo thông tin hộ tịch cơ bản của cá nhân (giấy khai sinh). Do đó chấp nhận yêu cầu của bà Kha Thị Ngọc G, hủy kết hôn trái pháp luật của bà G và ông B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06 do Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội cấp ngày 15/02/2016.

[4] Về chi phí tố tụng:

Bà Kha Thị Ngọc G phải chịu lệ phí theo quy định.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;*

*Căn cứ Điều 14 Luật Hộ tịch năm 2014;*

*Căn cứ các điều 371, 372 Bộ luật Tố tụng dân sự;*

*Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;*

Chấp nhận yêu cầu của bà Kha Thị Ngọc G,

1. Hủy kết hôn trái pháp luật giữa bà Kha Thị Ngọc G với ông Dương Lưu B theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06 do Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 15/02/2016.

2. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06 do Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 15/02/2016 cho bà Kha Thị Ngọc G, sinh ngày 04/5/1995 và ông Dương Lưu B, sinh ngày 20/6/1991 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

3. Bà Kha Thị Ngọc G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền lệ phí sơ thẩm. Số tiền lệ phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mà bà G đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0001012 ngày 20/4/2020. (Bà G đã nộp đủ).

4. Bà Kha Thị Ngọc G, ông Dương Lưu B, Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội có quyền kháng cáo; Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định (ngày 10 tháng 7 năm 2020).

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- UBND xã Nhơn Hội (1);
- Dương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Trần Văn Sáu**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:**

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm.....”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại .....là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng.... năm.....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

**“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”*